

PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỐI VỚI 106 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THÔN KIM CHÂU, XÃ THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ THỂ THAO OLYMPIC (KHU ĐÔ THỊ THỂ THAO QUỐC TẾ HÀ NỘI) ĐỢT 6

(Kèm theo Quyết định số: 1417/QĐ-UBND ngày 05/06/2026 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Oai)

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ-UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
1	Hộ ông Nguyễn Văn Lưu	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059005866	CE 403855	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	15	02	179,0	21	657	1.331,00	179,0	13%	55.490.000	138.725.000	1.790.000	196.005.000			
2	Hộ ông Nguyễn Văn Lưu	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001051007372	CE 403821	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	12	02	420,0	21	661	1.482,00	690,0	47%	213.900.000	534.750.000	6.900.000	755.550.000			
						Láng Dưới	LUC	79	00	270,0	27	162				-	-	-	-			
3	Hộ ông Nguyễn Hồng Hải	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001076033868	CH 042211	28/12/2016	Đồng Lươn Dưới	LUC	25	02	280,0	21	674	1.540,00	604,0	39%	187.240.000	468.100.000	6.040.000	661.380.000			
						Đồng Lươn Trên	LUC	13	05	324,0	27	13				-	-	-	-			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
4	Hộ ông Nguyễn Văn Triệu (Ông Nguyễn Văn Triệu đã chết đại diện là Trịnh Thị Tường)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001152022908	CE 509355	02/12/2016	Lươn	LUC	34	02	914,5	21	680	1.346,50	914,5	68%	283.495.000	708.737.500	9.145.000	1.001.377.500		
5	Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	012183001148	AA 02413337	12/09/2025	Láng Trên	LUC	26	02	612,0	21	681	612,00	612,0	100%	189.720.000	474.300.000	6.120.000	670.140.000		
6	Hộ ông Lâm Tăng Cường	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001064025996	CE 509409	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	35	02	770,6	21	688	1.166,60	770,6	66%	238.886.000	597.215.000	7.706.000	843.807.000		
7	Hộ ông Nguyễn Văn Hào (Ông Nguyễn Văn Hào đã chết đại diện là Nguyễn Thị Vinh)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001152018759	CE 403781	02/12/2016	Láng	LUC	27	02	612,0	21	690	1.460,80	1.219,6	83%	378.076.000	945.190.000	10.000.000	1.333.266.000		
						Lươn Trên	LUC	131	05	607,6	27	159									-

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000d/hộ)			
8	Hộ bà Nguyễn Thị Hợp	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001159010875	CE 509384	02/12/2016	Lươn	LUC	261	00	432,0	27	1	1.319,00	432,0	33%	133.920.000	334.800.000	4.320.000	473.040.000		
9	Hộ ông Nguyễn Văn Chung	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001062041539	CE 403810	02/12/2016	Láng	LUC	96	00	612,0	27	2	1.665,20	1.250,9	75%	387.779.000	969.447.500	10.000.000	1.367.226.500		
						Lươn Trên	LUC	94	00	638,9	27	128				-	-	-	-		
10	Hộ ông Nguyễn Văn Hùng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001070010993	CE 403769	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	01	05	1.120,0	27	3	1.558,30	1.120,0	72%	347.200.000	868.000.000	10.000.000	1.225.200.000		
11	Hộ ông Nguyễn Đức Tạ	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001040000356	CE 509382	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	04	05	1.085,0	27	4	1.879,40	1.085,0	58%	336.350.000	840.875.000	10.000.000	1.187.225.000		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
12	Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Thôn Kim Thành, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001192033763	AA 00823807	13/06/2025	Lươn Dưới	LUC	06	05	1.085,0	27	5	1.085,00	3.916,0	100%	1.213.960.000	3.034.900.000	1.950.000	4.250.810.000		
				DR 056419	31/12/2024	Láng Dưới	LUC	193	05	665,1	27	225	665,10			-	-	-	-		
				AA 00814612	11/04/2025	Láng Trên	LUC	11	05	612,0	27	16	612,00			-	-	-	-		
				AA 02510506	14/07/2025	Láng Dưới	LUC	81	05	612,0	27	95	612,00			-	-	-	-		
				AA 02406746	03/11/2025	Lươn Trên	LUC	05	05	262,0	27	14	262,00			-	-	-	-		
				AA 02510507	14/07/2025	Láng	LUC	242	00	526,9	27	142	526,90			-	-	-	-		
				AA 02413338	19/09/2025	Láng Dưới	LUC	67	05	153,0	27	183	153,00			-	-	-	-		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
13	Hộ ông Nguyễn Văn Dung	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001064011690	CE 403826	02/12/2016	Láng Trên	LUC	10	05	734,0	27	11	1.585,00	734,0	46%	227.540.000	568.850.000	7.340.000	803.730.000		
14	Hộ ông Lê Hồng Thanh (Ông Lê Hồng Thanh đã chết đại diện là Phạm Thị Thủy)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001160008356	CE 509408	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	09	05	698,1	27	15	1.292,10	698,1	54%	216.411.000	541.027.500	6.981.000	764.419.500		
15	Hộ bà Nguyễn Thị Luyến (Bà Nguyễn Thị Luyến đã chết đại diện là Nguyễn Ánh Dương)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001080023707	CE 403799	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	14	05	847,0	27	18	1.279,00	847,0	66%	262.570.000	656.425.000	8.470.000	927.465.000		
16	Hộ ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001066044074	CE 509356	02/12/2016	Láng Trên	LUC	19	05	350,0	27	19	1.574,00	350,0	22%	108.500.000	271.250.000	3.500.000	383.250.000		
17	Hộ ông Nguyễn Văn Thêm	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001060005027	CE 403841	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	16	05	1.067,5	27	20	1.301,50	1.067,5	82%	330.925.000	827.312.500	10.000.000	1.168.237.500		
18	Hộ bà Lê Thị Gái	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001142009366	CE 403874	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	12	05	769,6	27	23	1.741,60	1.381,6	79%	428.296.000	1.070.740.000	10.000.000	1.509.036.000		
						Láng Trên	LUC	50	05	612,0	27	56									-

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
19	Bà Nguyễn Thị Thúy Hương	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001182032337	CE 403822	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	18	05	524,9	27	25	1.226,90	524,9	43%	162.719.000	406.797.500	5.249.000	574.765.500		
20	Hộ ông Phạm Vũ Cần	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001067039553	CE 403854	02/12/2016	Lươn	LUC	15	05	700,0	27	27	1.078,00	700,0	65%	217.000.000	542.500.000	7.000.000	766.500.000		
21	Hộ ông Lê Thị Khanh	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001174046453	CE 403777	02/12/2016	Láng	LUC	1191	05	135,0	27	29	135,00	135,0	100%	41.850.000	104.625.000	1.350.000	147.825.000		
22	Hộ ông Nguyễn Văn Tuế (Ông Nguyễn Văn Tuế đã chết đại diện là Phạm Thị Lan)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001160033519	CH 042219	28/12/2016	Láng	LUC	27	05	910,0	27	30	1.234,00	910,0	74%	282.100.000	705.250.000	9.100.000	996.450.000		
23	Hộ bà Nguyễn Thị Yên	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001164006493	CE 403830	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	22	05	802,9	27	32	1.918,90	1.414,9	74%	438.619.000	1.096.547.500	10.000.000	1.545.166.500		
						Láng Trên	LUC	37	05	612,0	27	51				-	-	-	-		
24	Hộ ông Nguyễn Văn Biểu	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001057028671	CE 403768	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	24	05	630,2	27	33	1.259,90	630,2	50%	195.362.000	488.405.000	6.302.000	690.069.000		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)								
25	Hộ bà Nguyễn Thị Thúy	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001159025628	CE 403798	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	31	05	857,0	27	34	1.649,00	857,0	52%	265.670.000	664.175.000	8.570.000	938.415.000			
26	Hộ ông Nguyễn Văn Ban	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001057034915	CE 509379	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	33	05	360,0	27	38	1.475,60	1.007,6	68%	312.356.000	780.890.000	10.000.000	1.103.246.000			
						Buổi Dưới	LUC	136	05	647,6	27	150				-	-	-	-			
27	Hộ ông Nguyễn Trọng Phổ	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059007061	CE 509324	02/12/2016	Láng Trên	LUC	35	05	1.008,0	27	40	1.008,00	1.008,0	100%	312.480.000	781.200.000	10.000.000	1.103.680.000			
28	Hộ ông Nguyễn Văn Thêm	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001071031939	CH 042225	28/12/2016	Láng Trên	LUC	36	05	612,0	27	41	2.840,10	2.228,1	78%	690.711.000	1.726.777.500	10.000.000	2.427.488.500			
						Lươn Trên	LUC	30	05	1.091,1	27	44				-	-	-	-			
						Láng Dưới	LUC	196	05	525,0	27	230				-	-	-	-			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
29	Hộ ông Nguyễn Xuân Thương	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001077013 143	CH 042238	28/12/2016	Lươn Dưới	LUC	278	00	198,0	27	42	1.700,50	1.160,5	68%	359.755.000	899.387.500	10.000.000	1.269.142.500		
						Đồng Lươn	LUC	38	02	962,5	21	692									-
30	Hộ ông Nguyễn Văn Sơn	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001065031 712	CH 042245	28/12/2016	Lươn Dưới	LUC	301	00	90,0	27	46	4.546,00	492,0	11%	152.520.000	381.300.000	4.920.000	538.740.000		
						Buổi Trên	LUC	233	05	402,0	27	268									-
31	Hộ ông Phạm Vũ Lương	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001071004 628	CE 509364	02/12/2016	Láng Trên	LUC	48	05	664,9	27	53	952,90	664,9	70%	206.119.000	515.297.500	6.649.000	728.065.500		
32	Hộ bà Trịnh Thị Oánh	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001160031 906	CE 509395	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	43	05	490,0	27	60	1.560,80	1.012,0	65%	313.720.000	784.300.000	10.000.000	1.108.020.000		
						Buổi Trên	LUC	90	05	522,0	27	297									-

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú		
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)					
33	Hộ ông Nguyễn Văn Mát	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001065009157	CE 403772	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	41	05	490,0	27	61	598,00	490,0	82%	151.900.000	379.750.000	4.900.000	536.550.000				
34	Hộ ông Nguyễn Văn Khiển	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001077032565	CE 509417	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	45	05	647,5	27	62	647,50	647,5	100%	200.725.000	501.812.500	6.475.000	709.012.500				
35	Hộ bà Nguyễn Thị Tý	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001151006161	CE 403828	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	42	05	980,0	27	65	1.736,00	980,0	56%	303.800.000	759.500.000	9.800.000	1.073.100.000				
36	Hộ ông Nguyễn Văn Giảng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001069017894	CE 509389	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	158	00	208,3	27	68	2.087,90	1.835,9	88%	569.129.000	1.422.822.500	10.000.000	2.001.951.500				
						Buời Trên	LUC	154	05	700,1	27	179								-	-	-	-
						Buời Trên	LUC	284	05	927,5	27	306								-	-	-	-

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bản giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
37	Hộ bà Nguyễn Thị Khanh - đại diện hộ là Nguyễn Mạnh Tiên	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001088042808	CE 403789	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	60	05	524,8	27	69	632,80	524,8	83%	162.688.000	406.720.000	5.248.000	574.656.000		
38	Hộ bà Phạm Thị Đạn	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001157025878	CE 509338	02/12/2016	Láng Trên	LUC	65	05	647,5	27	72	1.372,30	647,5	47%	200.725.000	501.812.500	6.475.000	709.012.500		
39	Hộ ông Nguyễn Văn Diên	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059008600	CE 509335	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	59	05	1.190,0	27	75	1.738,00	1.190,0	68%	368.900.000	922.250.000	10.000.000	1.301.150.000		
40	Hộ ông Nguyễn Văn Quyết	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001060029628	CE 509333	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	177	00	232,9	27	76	925,40	827,5	89%	256.525.000	641.312.500	8.275.000	906.112.500		
						Lươn Dưới	LUC	85	05	594,6	27	102									-
41	Hộ ông Nguyễn Văn Quân	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001072002883	CE 509323	02/12/2016	Đồng Lươn	LUC	58	05	332,5	27	78	908,50	332,5	37%	103.075.000	257.687.500	3.325.000	364.087.500		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
42	Hộ bà Nguyễn Thị Tách	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001162029 297	CH 042213	28/12/2016	Đồng Láng	LUC	68	05	280,0	27	80	2.295,50	1.382,5	60%	428.575.000	1.071.437.500	10.000.000	1.510.012.500		
						Đồng Bưởi	LUC	201	05	1.102,5	27	232									-
43	Hộ ông Nguyễn Văn Biên	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001069031 074	CE 509406	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	55	05	612,0	27	82	1.621,00	612,0	38%	189.720.000	474.300.000	6.120.000	670.140.000		
44	Hộ ông Nguyễn Văn Thanh	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001063010 641	CE40377 3	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	62	05	682,7	27	83	1.114,70	682,7	61%	211.637.000	529.092.500	6.827.000	747.556.500		
45	Hộ ông Nguyễn Xuân Thao	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001068003 433	CE 509385	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	264	00	453,0	27	86	1.299,00	453,0	35%	140.430.000	351.075.000	4.530.000	496.035.000		
46	Hộ ông Nguyễn Văn Phụng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001066017 239	CE 403787	02/12/2016	Láng Trên	LUC	78	05	349,9	27	90	853,90	349,9	41%	108.469.000	271.172.500	3.499.000	383.140.500		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
47	Hộ bà Nguyễn Thị Mai	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001153008707	CH 042209	28/12/2016	Láng Trên	LUC	271	00	490,0	27	94	1.336,00	1.210,0	91%	375.100.000	937.750.000	10.000.000	1.322.850.000		
						Bưởi Trên	LUC	270	00	720,0	27	269									-
48	Ông Nguyễn Văn Khuyến	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001084020088	CE 509343	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	76	05	980,4	27	97	1.790,40	980,4	55%	303.924.000	759.810.000	9.804.000	1.073.538.000		
49	Hộ ông Nguyễn Văn Đức	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001083018862	CE 403813	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	77	05	1.190,0	27	99	1.514,00	1.190,0	79%	368.900.000	922.250.000	10.000.000	1.301.150.000		
50	Hộ bà Nguyễn Thị Lừng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001156013886	CE 403800	02/12/2016	Láng Dưới	LUC	92	05	360,0	27	104	1.411,90	673,9	48%	208.909.000	522.272.500	6.739.000	737.920.500		
						Bưởi Trên	LUC	165	05	313,9	27	199									-
51	Hộ ông Nguyễn Văn Điều	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001054004891	CE 403771	02/12/2016	Láng	LUC	91	05	455,0	27	108	1.157,00	455,0	39%	141.050.000	352.625.000	4.550.000	498.225.000		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
52	Hộ ông Nguyễn Văn Giành	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001075012885	CE 403779	02/12/2016	Láng Dưới	LUC	92	05	360,0	27	110	853,40	673,4	79%	208.754.000	521.885.000	6.734.000	737.373.000		
						Buổi Trên	LUC	165	05	313,4	27	206						-			-
53	Hộ ông Nguyễn Văn Hà	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001068010449	CH 042234	28/12/2016	Lươn Trên	LUC	312	00	414,0	27	111	1.062,00	414,0	39%	128.340.000	320.850.000	4.140.000	453.330.000		
54	Hộ ông Nguyễn Văn Du	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001068009554	CE 403786	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	86	05	420,0	27	113	636,00	420,0	66%	130.200.000	325.500.000	4.200.000	459.900.000		
55	Hộ bà Bùi Thị Văn	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001156032585	CE 403860	02/12/2016	Láng Dưới	LUC	89	05	384,9	27	114	1.076,70	611,7	57%	189.627.000	474.067.500	6.117.000	669.811.500		
						Láng Dưới	LUC	207	05	226,8	27	233						-			-
56	Hộ ông Nguyễn Văn Hải (1953)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001053011850	CE 403795	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	101	05	560,0	27	115	1.208,00	560,0	46%	173.600.000	434.000.000	5.600.000	613.200.000		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
57	Hộ ông Nguyễn Thanh Hải	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001070044353	CE 509349	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	97	05	420,0	27	117	895,60	420,0	47%	130.200.000	325.500.000	4.200.000	459.900.000		
58	Hộ ông Nguyễn Văn Thử	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001064025524	CE 509321	02/12/2016	Lươn Dưới	LUC	104	05	1.089,2	27	118	1.323,20	1.089,2	82%	337.652.000	844.130.000	10.000.000	1.191.782.000		
59	Hộ ông Nguyễn Trọng Tường	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059013226	CH 042201	28/12/2016	Láng Dưới	LUC	109	05	910,0	27	119	1.270,00	910,0	72%	282.100.000	705.250.000	9.100.000	996.450.000		
60	Hộ ông Nguyễn Văn Hải (1964)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001064025997	CH 042214	28/12/2016	Lươn Trên	LUC	99	05	272,6	27	123	797,60	797,6	100%	247.256.000	618.140.000	7.976.000	873.372.000		
						Lươn Trên	LUC	97	05	525,0	27	125									-
61	Hộ ông Nguyễn Văn Toán	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001069039583	CE 403814	02/12/2016	Láng Dưới	LUC	108	05	175,1	27	130	864,30	175,1	20%	54.281.000	135.702.500	1.751.000	191.734.500		
62	Hộ bà Nguyễn Thị Liên	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001162014992	CE 403818	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	120	05	402,5	27	131	1.374,50	402,5	29%	124.775.000	311.937.500	4.025.000	440.737.500		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)								
63	Hộ ông Nguyễn Văn Giang (Ông Nguyễn Văn Giang đã chết đại diện là Nguyễn Thị Lý)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001167032299	CH 042226	28/12/2016	Đồng Lươn	LUC	119	05	1.155,0	27	134	1.551,00	1.155,0	74%	358.050.000	895.125.000	10.000.000	1.263.175.000			
64	Hộ ông Nguyễn Văn Đổ	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059025608	CE 403840	02/12/2016	Buổi Dưới	LUC	122	05	1.155,0	27	136	1.950,00	1.155,0	59%	358.050.000	895.125.000	10.000.000	1.263.175.000			
65	Hộ ông Nguyễn Văn Lung	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001068012710	CE 403763	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	116	05	350,0	27	143	782,00	350,0	45%	108.500.000	271.250.000	3.500.000	383.250.000			
66	Hộ bà Nguyễn Thị Mão	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001163031445	CE 509391	02/12/2016	Buổi Dưới	LUC	121	05	1.032,5	27	145	1.320,50	1.032,5	78%	320.075.000	800.187.500	10.000.000	1.130.262.500			
67	Hộ ông Nguyễn Văn Mặc - đại diện là Dương Thị Măng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001161037744	CE 509366	02/12/2016	Lươn Trên	LUC	130	05	548,0	27	149	1.304,10	548,0	42%	169.880.000	424.700.000	5.480.000	600.060.000			
68	Hộ ông Nguyễn Xuân Trường	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059008291	CE 403836	02/12/2016	Buổi Dưới	LUC	148	05	241,7	27	151	1.569,20	633,2	40%	196.292.000	490.730.000	6.332.000	693.354.000			
						Buổi Dưới	LUC	148	05	391,5	27	176				-	-	-	-			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
69	Hộ ông Lê Minh Thuyết	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001163010301	CE 509320	02/12/2016	Láng Dưới	LUC	358	05	252,0	27	152	432,00	252,0	58%	78.120.000	195.300.000	2.520.000	275.940.000		
70	Hộ bà Nguyễn Thị Thái	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001152016085	CE 403776	02/12/2016	Buổi Dưới	LUC	137	05	734,9	27	153	734,90	734,9	100%	227.819.000	569.547.500	7.349.000	804.715.500		
71	Hộ ông Nguyễn Trọng Quyết (Ông Nguyễn Trọng Quyết đã chết đại diện là Bùi Thị Sáu)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001160017849	CE 509407	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	234	05	760,6	27	272	1.048,60	760,6	73%	235.786.000	589.465.000	7.606.000	832.857.000		
72	Hộ ông Nguyễn Trọng Luân	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001071049146	CE 509358	02/12/2016	Buổi Dưới	LUC	146	05	129,8	27	158	929,10	551,1	59%	170.841.000	427.102.500	5.511.000	603.454.500		
						Buổi Dưới	LUC	146	05	421,3	27	184									-
73	Hộ bà Nguyễn Thị Ngọc	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001158011179	CE 509348	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	145	05	822,5	27	168	1.722,50	822,5	48%	254.975.000	637.437.500	8.225.000	900.637.500		
74	Hộ bà Nguyễn Thị Mỹ	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001160031478	CE 509367	02/12/2016	Láng Dưới	LUC	150	05	927,5	27	174	1.197,50	927,5	77%	287.525.000	718.812.500	9.275.000	1.015.612.500		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng (không quá 10.000.000đ/hộ)								
75	Hộ bà Nguyễn Thị Chút	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001146001786	CE 403759	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	155	0'5	559,9	27	180	793,90	559,9	71%	173.569.000	433.922.500	5.599.000	613.090.500			
76	Hộ ông Nguyễn Văn Đạt	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001067013512	CH 042178	28/12/2016	Láng trên	LUC	67	05	153,0	27	181	266,40	266,4	100%	82.584.000	206.460.000	2.664.000	291.708.000			
						Buổi Trên	LUC	246	05	113,4	27	270				-	-	-	-			
77	Ông Nguyễn Văn Đùng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001080042637	CE 509401	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	153	05	459,2	27	188	459,20	459,2	100%	142.352.000	355.880.000	4.592.000	502.824.000			
78	Hộ ông Đào Minh Tân	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001078030497	CH 042230	28/12/2016	Buổi Trên	LUC	269	05	288,0	27	189	324,00	288,0	89%	89.280.000	223.200.000	2.880.000	315.360.000			
79	Hộ ông Nguyễn Văn Đường	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001063027293	CE 403853	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	167	05	825,0	27	196	1.403,00	825,0	59%	255.750.000	639.375.000	8.250.000	903.375.000			
80	Hộ bà Lê Thị Tuyết	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001159013055	CE 509317	02/12/2016	Láng Dưới	LUC	177	05	580,9	27	198	1.084,90	580,9	54%	180.079.000	450.197.500	5.809.000	636.085.500			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý								Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
81	Hộ bà Nguyễn Thị Duyên	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001149006772	CH 042228	28/12/2016	Láng Dưới	LUC	181	05	612,0	27	201	2.389,10	1.450,3	61%	449.593.000	1.123.982.500	10.000.000	1.583.575.500		
						Buổi Trên	LUC	282	05	838,3	27	304									-
82	Hộ bà Hoàng Thị Thanh Nhung	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001181049136	CE 403835	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	170	05	234,0	27	209	234,00	234,0	100%	72.540.000	181.350.000	2.340.000	256.230.000		
83	Hộ ông Nguyễn Văn Thắng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001070044318	CH 042205	28/12/2016	Láng Dưới	LUC	178	05	840,9	27	213	1.128,90	840,9	74%	260.679.000	651.697.500	8.409.000	920.785.500		
84	Hộ ông Nguyễn Văn Don	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001057029912	CE 509386	02/12/2016	Láng	LUC	182	05	556,2	27	214	1.571,60	1.049,6	67%	325.376.000	813.440.000	10.000.000	1.148.816.000		
						Buổi Trên	LUC	300	05	493,4	27	314									-
85	Ông Nguyễn Văn Miên	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001059015800	CE 509351	02/12/2016	Láng Dưới	LUC	180	05	360,0	27	215	666,00	360,0	54%	111.600.000	279.000.000	3.600.000	394.200.000		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng (không quá 10.000.000đ/hộ)								
86	Hộ bà Trần Thị Cườm	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001139000411	CE 403765	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	187	05	419,0	27	222	725,00	419,0	58%	129.890.000	324.725.000	4.190.000	458.805.000			
87	Hộ bà Lê Thị Biên	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001155007020	CE 403873	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	186	05	548,9	27	224	705,60	705,6	100%	218.736.000	546.840.000	7.056.000	772.632.000			
						Buổi Trên	LUC	186	05	156,7	27	208				-	-	-	-			
88	Hộ ông Lê Văn Thanh	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001087042038	CE 403842	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	212	05	308,0	27	234	308,00	308,0	100%	95.480.000	238.700.000	3.080.000	337.260.000			
89	Hộ ông Nguyễn Văn Đài	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001071048333	CE 509393	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	202	05	980,0	27	236	1.106,00	980,0	89%	303.800.000	759.500.000	9.800.000	1.073.100.000			
90	Bà Phạm Thị Thuận	Thôn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001162008479	CE 509365	02/12/2016	Láng Dưới	LUC	206	05	769,8	27	237	1.057,80	769,8	73%	238.638.000	596.595.000	7.698.000	842.931.000			
91	Hộ ông Nguyễn Hữu Doan	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001050018844	CE 509369	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	200	05	980,0	27	239	1.744,00	980,0	56%	303.800.000	759.500.000	9.800.000	1.073.100.000			

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bản giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
92	Hộ ông Đào Minh Cường	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001076069459	CE 509313	02/12/2016	Láng	LUC	216	04	424,0	27	241	550,00	424,0	77%	131.440.000	328.600.000	4.240.000	464.280.000		
93	Hộ ông Lê Văn Cam	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001081037120	CE 403839	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	212	05	308,5	27	245	308,50	308,5	100%	95.635.000	239.087.500	3.085.000	337.807.500		
94	Hộ ông Lê Văn Lâm	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001078039693	CE 509328	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	212	05	614,2	27	249	614,20	614,2	100%	190.402.000	476.005.000	6.142.000	672.549.000		
95	Hộ ông Nguyễn Văn Đức	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001058038042	CE 509376	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	216	05	420,0	27	257	582,00	420,0	72%	130.200.000	325.500.000	4.200.000	459.900.000		
96	Hộ ông Nguyễn Văn Trọng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001064041256	CE 403834	02/12/2016	Láng	LUC	223	05	490,0	27	259	922,00	490,0	53%	151.900.000	379.750.000	4.900.000	536.550.000		
97	Hộ bà Đặng Thị Thanh Hải	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	025175000334	CH 042236	28/12/2016	Buổi Trên	LUC	285	00	175,0	27	261	8.511,70	175,0	2%	54.250.000	135.625.000	1.750.000	191.625.000		
98	Hộ bà Nguyễn Thị Hồng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	00116042396	CE 509336	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	250	05	647,4	27	283	683,40	647,4	95%	200.694.000	501.735.000	6.474.000	708.903.000		

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)				Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m <sup>2</sup> (không quá 10.000.000đ/hộ)			
99	Hộ ông Nguyễn Văn Sỹ	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001060029622	CE 509372	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	247	05	677,6	27	285	1.307,60	677,6	52%	210.056.000	525.140.000	6.776.000	741.972.000		
100	Hộ bà Nguyễn Thị Toan (bà Nguyễn Thị Toan đã chết đại diện là Phạm Thị Hải Diệp)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001179033176	CE 403870	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	267	05	630,3	27	295	756,30	630,3	83%	195.393.000	488.482.500	6.303.000	690.178.500		
101	Hộ bà Nguyễn Thị Nga (Bà Nguyễn Thị Nga đã chết đại diện là Lê Văn Sướng)	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001086020470	CE 509388	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	283	05	927,5	27	309	1.395,50	927,5	66%	287.525.000	718.812.500	9.275.000	1.015.612.500		
102	Hộ ông Nguyễn Văn Quyền	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001054006757	CE 403788	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	36	00	300,9	27	318	1.650,90	300,9	18%	93.279.000	233.197.500	3.009.000	329.485.500		
103	Hộ ông Nguyễn Văn Dũng	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001080048086	CE 403850	02/12/2016	Buổi Trên	LUC	229	05	221,5	27	355	599,50	599,5	100%	185.845.000	464.612.500	5.995.000	656.452.500		
						Lươn Trên	LUC	103	05	378,0	27	98									-

STT	Tên người quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý									Thông tin thửa đất theo bản đồ GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ thu hồi (%) (diện tích thu hồi/tổng diện tích đang sử dụng)	Bồi thường về đất theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP, Hà Nội; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của hội đồng nhân dân TP, Hà Nội (155.000 x 2 lần)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ 40/QĐ - UBND của UBND TP. Hà Nội		Tổng tiền BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Số phát hành	Ngày cấp	Xứ dòng	Loại đất	Số thửa theo GCN	Tờ bản đồ theo GCN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tờ bản đồ	Số thửa	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần) (theo bảng giá đất tại Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND TP Hà Nội)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/hộ)								
104	Hộ bà Nguyễn Thị Quý	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001150013 938	CH 042210	28/12/2016	Bưởi Trên	LUC	303	05	855,0	27	322	927,00	855,0	92%	265.050.000	662.625.000	8.550.000	936.225.000			
105	Hộ ông Nguyễn Văn Lít	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001065009 748	CH 042203	28/12/2016	Bưởi Trên	LUC	324	05	769,1	27	332	1.489,10	769,1	52%	238.421.000	596.052.500	7.691.000	842.164.500			
106	Hộ ông Nguyễn Văn Minh	Thôn Kim Châu, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	001061026 770	CE 509361	02/12/2016	Bưởi	LUC	166	00	234,0	27	284	1.404,00	522,0	37%	161.820.000	404.550.000	5.220.000	571.590.000			
						Đồng Lươn	LUC	165	00	288,0	21	654				-	-	-	-			
														<b>80.915,4</b>		<b>25.083.774.000</b>	<b>62.709.435.000</b>	<b>714.987.000</b>	<b>88.508.196.000</b>			
						#NAME?																

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Mạnh